

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-PT

Ngày: 09/4/2019.

V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất là lối đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu .

Các thẩm phán:

Bà Đặng Thị Đồng

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/ 2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Tấn M, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 002, tổ 1, ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đàm Thị C, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 103, tổ 4, ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1943; Tòa án không triệu tập.

3. Chị Lê Thị L, sinh năm 1979; Tòa án không triệu tập.

4. Ông Phạm Phú Q, sinh năm 1961; Tòa án không triệu tập.

5. Anh Lê Thanh C, sinh năm 1976; Tòa án không triệu tập.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị Võ Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp Phước Đ A, xã Phước Đ1, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tòa án không triệu tập.

7. Anh Lê Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án không triệu tập.

8. Anh Huỳnh Đức T, sinh năm 1986; Tòa án không triệu tập.

9. Chị Ngô Cẩm H, sinh năm 1988; Tòa án không triệu tập.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Bà N, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cùng vắng mặt.

10. Anh Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1985; Tòa án không triệu tập.

11. Chị Lê Thị Hoàng K, sinh năm 1990; Tòa án không triệu tập.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Phước Đ B, xã Phước Đ1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

12. Anh Nguyễn Trung V, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Lộc T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Võ Tấn M trình bày:

Vào năm 1986, vợ chồng ông có khai vỡ đất rừng với tổng diện tích 7.500 m² tại các thửa 321, 320, 318, 319, 3644 ; bản đồ K12 toạ lạc tại ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận: Đông giáp đất ông G, bà C và lối đi; Tây giáp đất ông Đức, ông Lờ; Nam giáp đất ông Ân, bà C; Bắc giáp đất ông G.

Lối đi tranh chấp có trước năm 1975, từ đất của ông Phạm Văn Trượt đến kênh N.18 có nhiều người cùng đi chung như: ông T1, ông Y, ông G, ông T2, ông L và bà C để vận chuyển phân bón và hoa màu. Khi nhân dân đào kênh vượt cấp từ kênh đông dẫn nước thủy lợi vào tưới hoa màu, xả nước ra lối đi; một thời gian lối đi từ đất của ông M giáp đất ông T2 đến đất của ông T1 trở thành mương thoát nước nên không đi được, Nhà nước vận động nhân dân sửa chữa lối đi cặp suối Cầu Cám; lúc này những hộ ông Y, ông G, ông T1 đi xuống lối đi mới này; riêng ông M và bà C cùng đi lối đi cũ đang tranh chấp.

Do bà C sửa nhà nên có thương lượng với ông M dời lối đi qua cặp ranh với đất ông G và do không còn lối đi nào khác nên ông M phải đồng ý.

Năm 2013, bà C cột bò, trồng cây lâu năm trên lối đi này và cày đất làm gẫy 04 trụ xi măng, di dời 02 trụ rào của bà làm gia đình ông đi lại khó khăn nên ông đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải quyết; các bên thống nhất cắm trụ xác định lối đi ngang 2,5 mét. Tuy nhiên bà C không đồng ý và đến tháng 7/2015, bà C tiếp tục rào lối đi không cho nhà ông M đi cho đến nay.

Nay ông Myêu cầu bà C trả lại lối đi chiều ngang 05 mét như hiện trạng trước đây gia đình ông đã đi giáp với đất bà C và ông G (hiện nay ông G đã sang tên lại cho các con ông) toạ lạc tại ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; lối đi đến đường nông trường.

Đơn khởi kiện thay đổi bổ sung ngày 24/4/2017; ông Võ Tấn M yêu cầu

bà Đàm Thị C, bà Lê Thị L, ông Phạm Phú Q, ông Lê Thanh C trả lại lối đi ngang 04 mét; chiều dài từ đầu đất của bà Võ Thị H thẳng đến ngã 3 đường công cộng đi ngang đất của bà Nguyễn Thị D.

Đơn khởi kiện thay đổi bổ sung ngày 22/3/2018 và tại phiên tòa, ông M yêu cầu bị đơn trả lối đi công cộng từ phần đất của ông đi theo phần đất của bà C giáp ranh đất ông G cho đến đường công cộng với chiều ngang lối đi 04 mét đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải trước đây.

Bị đơn-bà Đàm Thị C trình bày: Năm 1987, bà và chồng là ông Nguyễn Văn Trai (chết năm 1995) có khai hoang được đất rừng diện tích 4.600 m². Năm 1993, bà C đăng ký kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không có lối đi. Đến 1995 bà C có để lối đi ngang khoảng 02 mét, dài hết đất để vợ chồng bà thuận tiện vận chuyển diêm tro trồng trọt nông nghiệp; ông M có đất phía sau đất của bà nên bà để gia đình ông M đi chung trên lối đi này.

Năm 2013, ông M yêu cầu chính quyền ấp Trảng C, xã Đ đề nghị bà C để lối đi ngang 03 mét. Ngày 24/5/2013 Ủy ban nhân dân xã hòa giải, có vận động bà C để lối đi ngang 2,5 mét, dài hết đất ; bà C đồng ý.

Do trích lục bản đồ, đất của bà C giáp với đất ông G không có lối đi, nên ngày 07/7/2015; bà C có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ huyện Trảng Bàng hủy biên bản hòa giải ngày 24/5/2013, nhưng không được giải quyết, bà đã dùng gai tre và nhánh cao su rào lối đi. Nay bà C không đồng ý trả lối đi theo yêu cầu của ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1. *Chị Võ Thị H trình bày :* Vào năm 2009, cha mẹ chị là ông M, bà M cho chị diện tích 2.144m² đất trồng nhãn giáp lối đi tranh chấp, phần đất còn lại của cha mẹ phía sau nên phải đi ngang qua đất của chị mới ra đường công cộng là do bà C đã chiếm con đường đi. Nay chị có yêu cầu trả lối đi công cộng như hiện trạng để gia đình chị có lối đi vào đất sản xuất.

2. *Anh Phạm Phú Q trình bày:* Vào năm 2016, anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông G giáp với lối đi tranh chấp; thực tế diện tích lối đi đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh được cấp nên anh Q đồng ý trả lại để làm lối đi chung.

3 *Anh Lê Văn N trình bày:* Anh là con ruột của ông G được cha cho đất và đang sử dụng phần đất thuộc thửa 296 giáp 03 mặt đường và giáp đất anh Q. Cha anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sang tên cho anh đều có phần diện tích đất đường đi đang tranh chấp nên anh đồng ý trả và thực tế anh đã làm đường đi cho ông M. Hiện nay đất anh đã chuyển nhượng một phần cho anh Huỳnh Đức T, Huỳnh Hoàng T; phần đất còn lại chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trung V nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng.

4. Anh Nguyễn Trung V trình bày: Anh có nhận chuyển nhượng của anh Lê Văn N phần đất diện tích 1.851 m² thuộc thửa 580 ấp Trảng C, xã Đ nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; có thỏa thuận để một phần đất cắm cột mốc làm đường đi. Anh đồng ý để làm lối đi và không tranh chấp.

5 Anh Huỳnh Đức T và chị Ngô Cẩm H cùng thống nhất trình bày: Vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng phần đất của anh Lê Văn N từ đầu năm 2018 có đo đạc thực tế, thống nhất để một phần diện tích làm lối đi ở phía Nam. Ngày 19/3/2018 anh và chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần diện tích đường đi đang tranh chấp. Nay anh và chị đồng ý trả phần đất làm đường đi chung.

6. Anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K thống nhất trình bày: Vợ chồng anh nhận chuyển nhượng phần đất của anh Lê Văn N vào đầu năm 2018, có đo đạc thực tế. Ngày 19/3/2018 anh chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần đất đường đi. Nay anh chị đồng ý trả phần đất đường đi đang tranh chấp để làm đường đi.

7. Chị Lê Thị L trình bày: Chị được cha để là ông Lê Văn Gan cho phần đất diện tích 2000m² thuộc thửa 537; đất tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị nghe ông G nói có để đất làm lối đi xe bò cho ông M. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị có diện tích đất đường đi nhưng chị không biết. Nay chị đồng ý trả lại diện tích đất là đường đi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 54/ 2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106, 136 của Luật đất đai năm 2003; Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi của ông Võ Tấn M đối với bà Đàm Thị C, chị Lê Thị L, anh Phạm Phú Q, anh Lê Văn N, anh Huỳnh Đức T, chị Ngô Cẩm H, anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K.

Buộc bà Đàm Thị C, chị Lê Thị L, ông Phạm Phú Q, anh Lê Văn N, anh Huỳnh Đức T, chị Ngô Cẩm H, anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng đất là lối đi chung có diện tích 460,2 m² tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh gồm hai đoạn (có sơ đồ kèm theo):

- Đoạn thứ nhất: Trong các thửa 537, 538, 296, 319, 339 tờ bản đồ số 73; tứ cận: Đông giáp đất bà C đang sử dụng dài 03 mét; Tây giáp ruộng nước dài 4,67 mét; Nam giáp đất bà C dài 83,02 mét; Bắc giáp đất bà Lắm, ông Quốc, ông Nù, anh T, anh T dài 83,11 mét;

- Đoạn thứ hai: Trong thửa 320 tờ bản đồ số 73; tứ cận: Đông giáp đất bà C đang sử dụng dài 55,5 mét; Tây giáp đất ông Thân dài 57,42 mét; Nam giáp

lối đi thứ nhất; Bắc giáp đường đất dài 03 mét.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Tấn M yêu cầu trả thêm 01 mét ngang của lối đi.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, bà Đàm Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp lối đi thuộc thửa 320 diện tích 157,5m²; áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông M yêu cầu bà C trả lối đi công cộng từ phần đất của ông Mai đến đường công cộng chiều ngang 04 mét; chiều dài từ đất bà Huệ đến ngã ba đường công cộng trước đất của anh Lê Thanh C (bà D) như biên bản đã hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 24/5/2013.

Bà C cho rằng : Bản đồ đo vẽ năm 2005, đất của bà giáp đất ông M không có đường đi; lối đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà nên không đồng ý trả lối đi.

[2] Xét kháng cáo của bà C thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà C xác định lối đi đang tranh chấp có từ xưa; do đất ông M vị trí ở phía sau đất của bà nên cùng bà đi chung trên lối đi này và một số hộ khác đi chung như ông ba Đ, bà S và từ đất ông M đi ra ngoài chỉ có lối đi tranh chấp này là duy nhất (bút lục 15, 34, 75). Ngoài ra một số người dân sống lân cận cũng xác định lối đi đang tranh chấp có từ trước năm 1975.

Tại Công văn số 37/UBND ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã xác định: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là đất đường đi hình thành từ trước năm 1975; sau đó các hộ bà C, ông M, ông G, ông L, ông ba Đ, ông S, bà Nguyễn Thị D (em bà C) đã sử dụng lối đi này. Năm 1980 Nhà nước thiết lập bản đồ không ảnh theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích đất tranh chấp nêu trên thể hiện là đường đi công cộng. Do lâu ngày người dân không sử dụng, bà Nguyễn

Thị D (mẹ anh Châu) sử dụng một đoạn nằm trong thửa 354, 340 tờ bản đồ 73 để xây nhà ở; nên bà C mở một lối đi khác nằm trong thửa 320, tờ bản đồ 73 để ông M có đường đi vào đất thuộc thửa số 308. Năm 2005 Nhà nước đo đạc bản đồ lưới tọa độ chính quy bao trùm luôn phần đất có lối đi đang tranh chấp. Từ tháng 10/2007 đến tháng 8/2014; ông L, ông G, bà C, bà D lập thủ tục điều chỉnh diện tích đất từ bản đồ 299 sang bản đồ năm 2005 bao trùm lên phần đất có lối đi tranh chấp.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, chị Lê Thị L, anh Phạm Phú Q, anh Lê Văn N, anh Lê Thanh C là không đúng đối tượng và quy định pháp luật.

Qua sơ đồ hiện trạng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: đất làm lối đi đang tranh chấp thuộc các thửa 537; 538; 296; 579; 578; 320 có tổng diện tích 460,02 m². Trong đó phần đất đoạn lối đi thuộc các thửa 537; 538; 296; 578; 579 có diện tích 302,6m²; đoạn lối đi thuộc thửa 320, diện tích 157,6m².

Theo kết quả xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh (BL 211) đã thể hiện: Thửa đất 320; tờ bản đồ 73; bản đồ lưới 2005 hiện nay không có người kê khai đăng ký và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Cấp sơ thẩm xác định lối đi tranh chấp thuộc các thửa 537; 538; 296; 579; 578; tổng diện tích 302,6m² là đường đi công cộng là có căn cứ. Nhưng đối với lối đi tranh chấp thuộc thửa 320, diện tích 157,6m²; tại phiên tòa phúc thẩm bà C xác định thửa 320 là đất của nông trường Đồng Khởi phù hợp hồ sơ vụ án thể hiện. Đồng thời trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 320 thuộc quyền sử dụng của chị L, anh Quốc, anh N, anh Châu; nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ thửa đất này có thuộc quyền quản lý sử dụng của nông trường hay không mà buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả đoạn lối đi thuộc thửa 320, diện tích 157,6m² là chưa có căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông M rút một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp đối với lối đi thuộc thửa 320; tờ bản đồ 73; bản đồ lưới 2005 có tứ cận: Đông giáp đất bà C đang sử dụng dài 55,5 m; Tây giáp đất ông Thân dài 57,42 m; Nam giáp lối đi thứ nhất; Bắc giáp đường đất dài 04 mét; nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Bà C kháng cáo cho rằng diện tích đất lối đi đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của bà; nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra bà cho rằng ông M còn lối đi khác; nhưng xét thấy đoạn lối đi thuộc các thửa 537; 538; 296; 578; 579 được xác định là đường đi công cộng, nên không cần xem xét mở lối đi mới cho ông M.

[4] Cấp sơ thẩm xác định chị Nguyễn Thị L tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng trong bản án, phần nội dung vụ án không thể hiện lời trình bày của chị L là thiếu sót.

Mặt khác chị L, anh Q, anh N, anh T, chị H, anh T và chị K đều xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nhà nước cấp đất cho các anh, chị là có một phần diện tích đất làm đường đi tranh chấp và cùng tự nguyện giao trả; cần ghi nhận nhưng tuyên buộc là chưa phù hợp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên buộc bà C, chị L, anh Q, anh N, anh T, chị H, anh T và chị K trả diện tích lối đi 460,02m² đất là không phù hợp; cần xác định cụ thể diện tích đất phải trả của mỗi người. Đồng thời buộc bà C trả cho ông M số tiền 1.650.000 đồng chi phí xét thẩm định tại chỗ; nhưng không tuyên về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm có những thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp lối đi thuộc thửa 320 diện tích 157,6m²; áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 5, Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà Đàm Thị C phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Thị C. Sửa bản án sơ thẩm số 54/ 2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106, 136 của Luật đất đai 2003; Điều 275 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn M đối với bà Đàm Thị C, chị Lê Thị L, ông Phạm Phú Q, anh Lê Văn N, anh Huỳnh Đức T, chị Ngô Cẩm H, anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K về tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi.

2. Buộc bà C trả diện tích 42,4m² thuộc thửa 319, 339; tờ bản đồ 73 tọa lạc tại ấp Trảng C, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh cụ thể: trong thửa 319 diện tích 22,6m², đất có tứ cận: Đông giáp lối đi (trong thửa 339) dài 1,1m; Tây giáp lối đi dài 0m; Nam giáp đất bà C (thửa 319) dài 48,13 m; Bắc giáp lối đi (phần lối đi các đương sự tự nguyện giao) dài 48,71m. Trong thửa 339 diện tích

19,8m², đất có tứ cận: Đông giáp đất bà C (thửa 339) dài 1,81m; Tây giáp lối đi (thửa 319) dài 1,11m; Nam giáp đất bà C dài 14,73m; Bắc giáp lối đi dài 14,20m.

3. Ghi nhận bà Lê Thị L, anh Phạm Phú Q, anh Lê Văn N, anh Huỳnh Đức T và chị Ngô Thị Cẩm Hiền; anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K đồng ý trả diện tích đất 237,6m² làm lối đi; cụ thể:

Bà Lê Thị L trả diện tích 112,5m² đất

Anh Phạm Phú Q trả diện tích 41,7m² đất,

Anh Lê Văn N trả diện tích 74,6m² đất,

Anh Huỳnh Đức T, chị Ngô Cẩm H trả diện tích 20,3m² đất,

Anh Huỳnh Hoàng T và chị Lê Thị Hoàng K trả diện tích 11,1m² đất

Diện tích đất là lối đi có tứ cận: Đông giáp đất bà C đang sử dụng dài 03 mét; Tây giáp mương nước dài 4,67 mét; Nam giáp đất bà C dài 83,02 mét; Bắc giáp đất bà Lắm, anh Q, anh N, anh T, anh T dài 83,11 mét;

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn M đòi trả lối đi thêm 01(một) mét.

5. Hủy và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn M tranh chấp lối đi diện tích 157,6m² đất thuộc thửa 320 tờ bản đồ số 73; tứ cận: Đông giáp đất bà C đang sử dụng dài 55,5 mét; Tây giáp đất anh N dài 57,42 mét; Nam giáp lối đi thuộc các thửa 537; 538; 296; 578; 579; Bắc giáp đường đất dài 04 mét;

6. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đàm Thị C phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Ông Võ Tấn M phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ông M đã nộp theo biên thu số 0009546 ngày 19/11/2015 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đàm Thị C phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0016669 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng. Ông Võ Tấn M đã nộp xong. Buộc bà Đàm Thị C phải trả lại cho ông Võ Tấn M số tiền 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Minh Châu